

Số: 15018/QĐ-UBND

Cử Chi, ngày 14 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách Huyện năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định hệ số điều chỉnh tăng thu nhập năm 2022 đến hết thời gian thực hiện thí điểm theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội và sửa đổi khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách Huyện năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 7386/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 đối với dự toán sử dụng ngân sách huyện;

Căn cứ Quyết định số 7388/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện về giao chỉ tiêu dự toán thu – chi ngân sách nhà nước năm 2022 đối với các xã, thị trấn;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 2691/TTr-TCKH ngày 14 tháng 10 năm 2022 về điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách Huyện năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách Huyện năm 2022 số tiền **93.136,500 triệu đồng**; như sau:

- Điều chỉnh (tăng/giảm) dự toán chi thường xuyên ngân sách huyện năm 2022 để bổ sung kinh phí thực hiện Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố đối với các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện là **97.259,078 triệu đồng**;

- Điều chỉnh (tăng/giảm) dự toán chi thường xuyên ngân sách huyện năm 2022 để bổ sung kinh phí thực hiện Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố đối với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn là **-4.122,578 triệu đồng**.

- Nguồn kinh phí thực hiện

+ Cân đối từ nguồn kinh phí thành phố bổ sung tại Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền **71.936 triệu đồng**.

+ Cân đối từ nguồn kinh phí tinh giản biên chế tại Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền **300 triệu đồng**.

+ Cân đối từ nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương ngân sách huyện năm 2022: **20.900,500 triệu đồng**.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện nghiêm việc xác định nguồn, nhu cầu và chi trả kinh phí thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố và các văn bản quy định hiện hành.

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Sở Tài chính Thành phố;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- TT. UBND huyện;
- Các ban HĐND huyện;
- Lưu: VT, P.TCKH.2.NTTHUYEN.167.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Thị Thanh Hiền

PHỤ LỤC 1

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022

(Đính kèm Quyết định số **15018**/QĐ-UBND ngày **14** tháng **10** năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)

Đơn vị: đồng

STT	Đơn vị	Bổ sung nguồn CCTL để thực hiện Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>
	TỔNG CỘNG	97.259.078.000	
I	KHỐI MÂM NON	8.110.614.000	
1	Mâm non Tân Phú Trung 1	60.999.000	
2	Mâm non Tân Phú Trung 2	107.564.000	
3	Mâm non Tân Thông Hội 1	160.390.000	
4	Mâm non Tân Thông Hội 2	202.177.000	
5	Mâm non Tân Thông Hội 3	608.687.000	
6	Mâm non Tân Thông Hội 4	576.765.000	
7	Mâm non Thị Trấn Cử Chi 1	-14.919.000	
8	Mâm non Thị Trấn Cử Chi 2	643.048.000	
9	Mâm non Thị Trấn Cử Chi 3	-103.681.000	
10	Mâm non Thái Mỹ	269.149.000	
11	Mâm non Trung Lập Hạ	479.645.000	
12	Mâm non Trung Lập Thượng	259.009.000	
13	Mâm non Nhuận Đức	-78.570.000	
14	Mâm non An Nhơn Tây	243.083.000	
15	Mâm non Phạm Văn Cội 1	132.802.000	
16	Mâm non Phạm Văn Cội 2	252.122.000	
17	Mâm non Phú Hòa Đông	192.005.000	
18	Mâm non Phước Vĩnh An	133.204.000	
19	Mâm non Tân Thạnh Đông	251.051.000	
20	Mâm non Trung An 1	-44.687.000	
21	Mâm non Trung An 2	457.422.000	
22	Mâm non Hòa Phú	260.686.000	
23	Mâm non Bình Mỹ	417.858.000	
24	Mâm non Phước Thạnh	580.912.000	
25	Mâm non Tân An Hội 1	137.767.000	
26	Mâm non Tân An Hội 2	383.825.000	
27	Mâm non An Phú	265.918.000	
28	Mâm non Hoàng Minh Đạo	175.342.000	
29	Mâm non Phước Hiệp	258.530.000	
30	Mâm non Tân Thạnh Tây	217.002.000	
31	Mâm non Tây Bắc	179.073.000	
32	Mâm non Nguyễn Thị Dậu	446.436.000	
II	KHỐI TIỂU HỌC	42.700.760.000	
1	TH Tân Thông Hội	444.493.000	
2	TH Thị Trấn Cử Chi	1.369.672.000	
3	TH Thị trấn Cử Chi 2	633.521.000	
4	TH Hòa Phú	1.108.538.000	

STT	Đơn vị	Bổ sung nguồn CCTL để thực hiện Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022	Ghi chú
A	B	I	2
5	TH Tân Tiến	1.607.227.000	
6	TH An Phú 1	652.480.000	
7	TH Tân Thông	1.946.392.000	
8	TH Liên Minh Công Nông	1.027.866.000	
9	TH Tân Phú	1.618.736.000	
10	TH Tân Phú Trung	891.899.000	
11	TH Lê Thị Pha	695.776.000	
12	TH Nguyễn Văn Lịch	1.277.739.000	
13	TH Tân Thành	1.343.460.000	
14	TH Trần Văn Châm	716.587.000	
15	TH Phước Vĩnh An	854.328.000	
16	TH Tân Thạnh Tây	1.529.955.000	
17	TH Tân Thạnh Đông	1.048.429.000	
18	TH Tân Thạnh Đông 2	1.145.457.000	
19	TH Tân Thạnh Đông 3	752.382.000	
20	TH Phú Hòa Đông	1.401.730.000	
21	TH Phú Hòa Đông 2	571.768.000	
22	TH Trung Lập Hạ	1.054.317.000	
23	TH An Nhơn Đông	1.346.818.000	
24	TH Lê Văn Thế	1.179.734.000	
25	TH Phạm Văn Cội	1.399.213.000	
26	TH Trung Lập Thượng	1.175.388.000	
27	TH Nhuận Đức	872.931.000	
28	TH Nhuận Đức 2	537.283.000	
29	TH An Nhơn Tây	1.676.843.000	
30	TH Phú Mỹ Hưng	908.358.000	
31	TH An Phú 2	752.320.000	
32	TH An Phước	993.924.000	
33	TH Thái Mỹ	1.285.624.000	
34	TH Phước Hiệp	855.623.000	
35	TH Bình Mỹ 1	653.573.000	
36	TH Bình Mỹ 2	1.446.723.000	
37	TH Phước Thạnh	1.252.225.000	
38	TH Trung An	927.660.000	
39	TH Nguyễn Thị Lăng	1.157.511.000	
40	TH Huỳnh Văn Cọ	586.257.000	
III	KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ	33.518.099.000	
1	THCS Tân Phú Trung	3.172.908.000	
2	THCS Thị Trấn Củ Chi	1.160.439.000	
3	THCS Tân An Hội	986.502.000	
4	THCS Tân Thạnh Tây	831.928.000	
5	THCS Trung An	479.123.000	
6	THCS Phước Thạnh	1.446.932.000	
7	THCS An Phú	549.120.000	
8	THCS Phước Vĩnh An	1.992.729.000	
9	THCS Tân Tiến	1.316.700.000	
10	THCS Thị Trấn 2	2.132.511.000	
11	THCS Phạm Văn Cội	891.410.000	
12	THCS Nguyễn Văn Xơ	1.451.174.000	
13	THCS Phú Hòa Đông	1.966.781.000	

STT	Đơn vị	Bổ sung nguồn CCTL để thực hiện Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022	Ghi chú
A	B	I	2
14	THCS Tân Thông Hội	1.901.042.000	
15	THCS Nhuận Đức	863.697.000	
16	THCS An Nhơn Tây	1.209.947.000	
17	THCS Hòa Phú	1.136.865.000	
18	THCS Tân Thạnh Đông	3.067.251.000	
19	THCS Trung Lập	1.675.970.000	
20	THCS Bình Hòa	1.380.663.000	
21	THCS Phước Hiệp	1.125.213.000	
22	THCS Trung Lập Hạ	796.144.000	
23	THCS Phú Mỹ Hưng	468.902.000	
24	TH - THCS Tân Trung	1.514.148.000	
IV	KHỐI TRỰC THUỘC	981.358.000	
1	Trường NDTE Khuyết Tật	314.552.000	
2	Trung tâm GDNN - GDTX	187.395.000	
3	Trường BDGD	479.411.000	
V	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA NGHỆ THUẬT	1.077.384.000	
1	Trung tâm văn hóa	268.829.000	
2	Nhà thiếu nhi	-61.000.000	
3	Đài truyền thanh	869.555.000	
VI	SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO	545.734.000	
	Trung tâm TDTT	545.734.000	
VII	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - ĐẢNG - ĐOÀN THỂ	10.325.129.000	
	- Quản lý nhà nước	9.090.675.000	
1	Văn phòng HĐND và UBND	1.122.160.000	
2	Phòng Tư pháp	426.777.000	
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	898.744.000	
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo	855.053.000	
5	Phòng Lao động - TBXH	705.086.000	
6	Phòng Quản lý Đô thị	685.322.000	
7	Phòng Tài nguyên và Môi trường	688.526.000	
8	Đội Quản lý Trật tự Đô thị	1.068.412.000	
9	Phòng Kinh tế	468.187.000	
10	Phòng Y tế	543.813.000	
11	Phòng Văn hoá và Thông tin	537.987.000	
12	Thanh tra huyện	416.835.000	
13	Phòng Nội vụ	673.773.000	
	- Đoàn thể	1.234.454.000	
1	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	474.505.000	
2	Đoàn Thanh niên cộng sản	60.956.000	
3	Hội Liên hiệp Phụ nữ	209.008.000	
4	Hội Nông dân	344.007.000	
5	Hội Cựu chiến binh	145.978.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

[Signature]

PHỤ LỤC 2

ĐIỀU CHỈNH (TĂNG/GIẢM) DỰ TOÁN BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH
CẤP XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2022

(Đính kèm Quyết định số 15018 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)

Đvt: đồng

STT	Đơn vị	Bổ sung nguồn CCTL để thực hiện Nghị quyết số 04/2022/NQ- HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>
1	UBND xã Trung An	-267.300.000	
2	UBND xã Phước Vĩnh An	-108.441.000	
3	UBND xã Phạm Văn Cội	-419.572.000	
4	UBND xã Tân Thạnh Đông	-261.990.000	
5	UBND xã Nhuận Đức	-59.763.000	
6	UBND xã Phú Hòa Đông	-378.463.000	
7	UBND xã Trung Lập Hạ	0	
8	UBND xã Phú Mỹ Hưng	-441.544.000	
9	UBND xã Tân Thông Hội	0	
10	UBND xã Tân An Hội	-169.877.000	
11	UBND xã Phước Hiệp	0	
12	UBND xã Thái Mỹ	0	
13	UBND xã Bình Mỹ	-728.701.000	
14	UBND xã An Phú	0	
15	UBND xã Hòa Phú	-186.873.000	
16	UBND xã Tân Phú Trung	-477.014.000	
17	UBND Thị trấn Củ Chi	393.545.000	
18	UBND xã An Nhơn Tây	-47.399.000	
19	UBND xã Phước Thạnh	-550.079.000	
20	UBND xã Tân Thạnh Tây	-106.531.000	
21	UBND xã Trung Lập Thượng	-312.576.000	
Tổng cộng		-4.122.578.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN